

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành mức thu học phí đối với bậc
đào tạo Đại học hệ vừa làm vừa học năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về việc Quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 137/2022/NQ-HĐTr ngày 25/7/2022 của Hội đồng Trường Đại học Tây Nguyên về mức thu học phí và tính giá dịch vụ đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐTr ngày 11/01/2024 của Hội đồng Trường Đại học Tây Nguyên về việc điều chỉnh kế hoạch thực hiện cơ chế thu học phí và tính giá dịch vụ đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng các Khoa đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu học phí đối với bậc đào tạo Đại học hệ vừa làm vừa học năm học 2025-2026 (Phụ lục kèm theo).

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng các Khoa đào tạo và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Thư*

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng;
- Như điều 2;
- TT. CNTT&TV (đăng Website).
- Lưu: VT, KHTC;



TS. Nguyễn Thanh Trúc

PHỤ LỤC
MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI BẠC ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC
NĂM HỌC 2025 – 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1315 /QĐ-ĐHTN ngày 24/7 /2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

Đơn vị tính: đồng

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO	KHỐI NGÀNH	MỨC HỌC PHÍ/TÍN CHỈ
1	Khoa Kinh tế		
1.1	Kế toán	III	690.000
2	Khoa Nông nghiệp		
2.1	Chăn nuôi	V	760.000
2.2	Thú y		840.000
2.3	Khoa học cây trồng		760.000
2.4	Lâm sinh		760.000
2.5	Quản lý đất đai	VII	700.000
3	Khoa Khoa học tự nhiên và CN		
3.1	Sư phạm Toán học	I	660.000
3.2	Sư phạm Vật lý		660.000
3.3	Sư phạm Hóa học		660.000
3.4	Sư phạm Sinh học		660.000
4	Khoa Sư phạm		
4.1	Giáo dục Mầm non	I	660.000
4.2	Giáo dục Thể chất		660.000
4.3	Giáo dục Tiểu học		660.000
4.4	Sư phạm Ngữ văn		660.000
5	Khoa Ngoại ngữ		
5.1	Sư phạm Tiếng anh	I	660.000
5.2	Ngôn ngữ anh	VII	720.000
6	Khoa Y Dược		
6.1	Điều dưỡng	VI.1	990.000
6.2	Kỹ thuật xét nghiệm y học		990.000